

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; phê duyệt quy trình nội bộ TTHC theo phương án đơn giản hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 148/TTr-SGTVT ngày 17/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ TTHC theo phương án đơn giản hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải căn cứ Quy trình được phê duyệt, thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các thủ tục hành chính được công bố tại các Quyết định: số 706/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 và số 2963/QĐ-UBND ngày 11/10/2021; số 1345/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh của UBND tỉnh trái với Quyết định này đều bị thay thế, bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NC_T.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Tiến

Phụ lục 1**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH QUẢNG TRỊ***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

Số TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo văn bản QPPL	Thời hạn giải quyết sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Đường sắt (3 TTHC)							
1	1.005058.00 0.00.00.H50	Gia hạn, cấp Giấy phép xây dựng cải tạo, nâng cấp đường ngang	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Không	- Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017; - Thông tư 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đường ngang và cấp phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt. - Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
2	1.005123.00 0.00.00.H50	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Không	- Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017; - Thông tư 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về

								đường ngang và cấp phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt. - Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
3	1.000294.00 0.00.00.H50	Bãi bỏ đường ngang	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017 - Nghị định 65/2018/NĐ-CP ngày 12/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đường sắt; - Thông tư 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/05/2018 của Bộ Giao thông Vận tải. - Quyết định số 1194/QĐ-BGTVT ngày 8/6/2018 của Bộ Giao thông Vận tải. - Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
II	Lĩnh vực Đường thủy nội địa (4 TTHC)							

1	1.009443.00 0.00.00.H50	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa - Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
2	1.009444.00 0.00.00.H50	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa.	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
3	1.003970.00 0.00.00.H50	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường

								<p>thủy nội địa và đường sắt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
4	2.001659.00 0.00.00.H50	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
III Lĩnh vực Đường bộ (08 TTHC)								
1	1.000703.00 0.00.00.H50	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2020/NĐ -CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

								- Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
2	1.001623.00 0.00.00.H50	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo.	08 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
3	1.001777.00 0.00.00.H50	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô.	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi bổ

								<p>sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</p> <p>- Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.</p>
4	1.004993.00 0.00.00.H50	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe).	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Không	<p>- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</p> <p>- Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.</p>
5	1.002030.00 0.00.00.H50	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.	08 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Lệ phí: 200.000 đồng/lần/ phương tiện	<p>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07 tháng 6 năm 2023</p>

								<p>của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.</p>
6	2.000881.00 0.00.00.H50	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố.	08 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Lệ phí: 50.000 đồng/lần/ phương tiện	<p>- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/20219 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.</p>

7	1.004995.00 0.00.00.H50	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
8	1.001001.00 0.00.00.H50	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/BCCI	50.000 đồng/ Giấy chứng nhận.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. - Thông tư số 102/2008/TT-BTC ngày 29/7/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải.

Phụ lục 2

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH QUẢNG TRỊ**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên thủ tục hành chính	Tổng thời gian giải quyết	Nội dung công việc và trình tự các bước thực hiện		Thời gian chi tiết	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện
I. Lĩnh vực Đường sắt							
1	Gia hạn, cấp Giấy phép xây dựng cải tạo, nâng cấp đường ngang. (1.005058.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về phòng, ban chuyên môn xử lý	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, xem xét hồ sơ - Xem xét hồ sơ - Dự thảo văn bản, trình ký - Soát xét hồ sơ	0,5 ngày	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên/Lãnh đạo phòng (Chuyên viên theo dõi)
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	0,5 ngày	Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Phòng chuyên môn chuyển kết quả hồ sơ về TTPVHCC	0,25 ngày	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,25 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Không tính thời gian	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên

2	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt. (1.005123.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về phòng, ban chuyên môn xử lý	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ - Xem xét hồ sơ - Dự thảo văn bản, trình ký - Soát xét hồ sơ	0,5 ngày	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông Thông	Chuyên viên/Lãnh đạo phòng (Chuyên viên theo dõi)
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	0,5 ngày	Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Phòng chuyên môn chuyển kết quả hồ sơ về TTPVHCC	0,25 ngày	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,25 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Không tính thời gian	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
3	Bãi bỏ đường ngang (1.000294.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể, từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về phòng, ban chuyên môn xử lý	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ - Xem xét, thẩm định hồ sơ - Đi kiểm tra thực địa hiện trường (nếu cần thiết) - Dự thảo văn bản, trình ký - Soát xét hồ sơ	4 ngày	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông Thông	Chuyên viên/Lãnh đạo phòng (Chuyên viên theo dõi)
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	0,5 ngày	Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Phòng chuyên môn chuyển kết quả hồ sơ về TTPVHCC	0,5 ngày	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên

			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Không tính thời gian	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
II. Lĩnh vực Đường thủy nội địa							
1	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu. (1.009443.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể, từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về phòng, ban chuyên môn xử lý	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ - Xem xét hồ sơ - Dự thảo văn bản, trình ký - Soát xét hồ sơ	1,5 ngày	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông Thông	Chuyên viên/Lãnh đạo phòng (Chuyên viên theo dõi)
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	0,5 ngày	Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Phòng chuyên môn chuyển kết quả hồ sơ về TTPVHCC	0,5 ngày	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Không tính thời gian	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
2	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa. (1.009444.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể, từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về phòng, ban chuyên môn xử lý	0,25 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ - Xem xét hồ sơ - Đi kiểm tra thực địa hiện	1,5 ngày	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên/Lãnh đạo phòng (Chuyên

				<i>trường (nếu cần thiết)</i> <i>- Dự thảo văn bản, trình ký</i> <i>- Soát xét hồ sơ</i>		Thông	<i>viên theo dõi)</i>
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	0,5 ngày	Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo sở Sở
			Bước 4	Phòng chuyên môn chuyển kết quả hồ sơ về TTPVHCC	0,5 ngày	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,25 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Không tính thời gian	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký. (1.003970.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ	0,75 ngày	Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	(Chuyên viên theo dõi)
			<i>Bước 2a</i>	<i>Thẩm định hồ sơ</i>	<i>0,5 ngày</i>		<i>Chuyên viên</i>
			<i>Bước 2b</i>	<i>Soát xét hồ sơ</i>	<i>0,25 ngày</i>		<i>Lãnh đạo Phòng</i>
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	0,75 ngày	Sở GTVT	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Tiếp nhận kết quả	0,25 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên, viên chức
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ	0,75 ngày	Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	(Chuyên viên theo dõi)

	(2.001659.000.00.00.H50)		Bước 2a	Thẩm định hồ sơ	0,5 ngày		Chuyên viên
			Bước 2b	Soát xét hồ sơ	0,25 ngày		Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	0,75 ngày	Sở GTVT	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Tiếp nhận kết quả	0,25 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
III. Lĩnh vực Đường bộ							
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. (1.000703.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ	02 ngày	Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	(Chuyên viên theo dõi)
			Bước 2a	Thẩm định hồ sơ	1,5 ngày		Chuyên viên
			Bước 2b	Soát xét hồ sơ	0,5 ngày		Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	01 ngày	Sở GTVT	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
2	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo. (1.001623.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ	04 ngày	Phòng Quản lý vận tải phương	(Chuyên viên theo dõi)

						tiện và người lái	
			Bước 2a	Thẩm định hồ sơ	3,5 ngày		Chuyên viên
			Bước 2b	Soát xét hồ sơ	0,5 ngày		Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	01 ngày	Sở GTVT	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
3	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô (1.001777.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ	06 ngày	Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	(Chuyên viên theo dõi)
			Bước 2a	Thẩm định hồ sơ	5,5 ngày		Chuyên viên
			Bước 2b	Soát xét hồ sơ	0,5 ngày		Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	01 ngày	Sở GTVT	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
4	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ	0,75 ngày	Phòng Quản lý vận tải phương	(Chuyên viên theo dõi)

	giáo viên dạy thực hành lái xe) (1.004993.000.00.00.H50)					tiện và người lái	
			Bước 2a	Thẩm định hồ sơ	0,5 ngày		Chuyên viên
			Bước 2b	Soát xét hồ sơ	0,25 ngày		Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	0,75 ngày	Sở GTVT	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Tiếp nhận kết quả	0,25 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu. (1.002030.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ	04 ngày	Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	(Chuyên viên theo dõi)
			Bước 2a	Thẩm định hồ sơ	3,5 ngày		Chuyên viên
			Bước 2b	Soát xét hồ sơ	0,5 ngày		Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	01 ngày	Sở GTVT	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
6	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố. (2.000881.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ	04 ngày	Phòng Quản lý vận tải phương	(Chuyên viên theo dõi)

						tiện và người lái	
			Bước 2a	Thẩm định hồ sơ	3,5 ngày		Chuyên viên
			Bước 2b	Soát xét hồ sơ	0,5 ngày		Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	01 ngày	Sở GTVT	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
7	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động. (1.004995.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ	02 ngày	Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái	(Chuyên viên theo dõi)
			Bước 2a	Thẩm định hồ sơ	1,5 ngày		Chuyên viên
			Bước 2b	Soát xét hồ sơ	0,5 ngày		Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	01 ngày	Sở GTVT	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
8	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. (1.001001.000.00.00.H50)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ	03 ngày	Phòng Quản lý vận tải phương	(Chuyên viên theo dõi)

						tiện và người lái	
			<i>Bước 2a</i>	<i>Thẩm định hồ sơ</i>	<i>2,5 ngày</i>		<i>Chuyên viên</i>
			<i>Bước 2b</i>	<i>Soát xét hồ sơ</i>	<i>0,5 ngày</i>		<i>Lãnh đạo Phòng</i>
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	01 ngày	Sở GTVT	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 5	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên